



Số: 0011-03.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ : Số 333 đường Hưng Định 24, Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn
Ngày lấy mẫu : 04/03/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K1-K8/01/04.03.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA
2	Nhiệt độ ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0 ÷ 60°C
3	Độ ẩm ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	15 ÷ 95 %RH

KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Tiếng ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)
1. Cổng bảo vệ	55,6	32,6	66,0
2. Hộ dân gần công ty	47,3	31,2	62,0
3. Máy in logo	63,5	32,6	72,5
4. Máy in bán tự động	78,2	30,7	78,9
5. Máy phân loại tái chế	75,3	30,0	75,5
6. Robot tự động hóa	67,7	31,1	66,0
7. Khu vực máy xay	67,6	29,9	70,7
8. Xưởng dán decal	62,3	30,0	70,3
QCVN 24:2016/BTNMT	≤ 85	-	-
QCVN 26:2016/BTNMT	-	18-32	40-80

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Suong

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0011-03.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ : Số 333 đường Hưng Định 24, Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày lấy mẫu : 04/03/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K1-K8/01/04.03.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	TCVN 5067:1995	15,0 µg/m ³
2	CO ^(a)	HD-TN-33*	3.200 µg/m ³
3	SO ₂ ^(a)	TCVN 5971: 1995	10,0 µg/m ³
4	NO ₂ ^(a)	TCVN 6137:2009	13,0 µg/m ³
5	HF ^(Δ)	NIOSH Method 7906	0,0007 mg/m ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Điểm đo	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	HF
Đơn vị	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1. Cổng bảo vệ	0,139	KPH	0,043	0,033	KPH
2. Hộ dân gần công ty	0,079	KPH	0,036	0,021	KPH
QCVN 05:2023/BTNMT	0,3	30	0,35	0,2	0,02
3. Máy in logo	0,021	KPH	0,037	0,016	KPH
4. Máy in bán tự động	0,032	KPH	0,039	0,015	KPH
5. Máy phân loại tái chế	0,083	KPH	0,042	0,018	KPH
6. Robot tự động hóa	0,040	KPH	0,038	0,017	KPH
7. Khu vực máy xay	0,121	KPH	0,035	0,025	KPH
8. Xưởng dán decal	0,033	KPH	0,034	0,014	KPH
QCVN 03:2019/BYT (**)	-	15,63	3,91	3,91	0,078

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(**): Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần)

*HD-TN-33: Phương pháp nội bộ hướng dẫn phân tích CO tại phòng thí nghiệm

^(Δ): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ lấy mẫu và phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0011-03.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ : Số 333 đường Hưng Định 24, Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Loại mẫu : Nước thải sản xuất sau HTXL
Ngày lấy mẫu : 04/03/2024
Mã số mẫu : NT1/01/04.03.2024
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1,1$)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (*)	-	7,21	2 ÷ 12	6 – 9	TCVN 6492:2011
2	Độ màu ^(a) (*)	Pt-Co	19	0 ÷ 500	50	HD-QT-19*
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	18,6	1,0	29,7	SMEWW 5210B:2017
4	COD ^(a)	mg/L	46,0	3,0	74,25	SMEWW 5220C:2017
5	TSS ^(a)	mg/L	32,0	4,0	49,5	TCVN 6625:2000
6	Pb ^(d)	mg/L	KPH	0,0004	0,099	SMEWW 3125B:2023
7	Zn ^(d)	mg/L	KPH	0,0010	2,97	SMEWW 3125B:2023
8	Sn ^(d)	mg/L	KPH	0,0008	-	SMEWW 3125B:2023
9	Sắt ^(a)	mg/L	KPH	0,05	0,99	SMEWW 3500-Fe.B:2017

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

*HD-QT-19: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo Độ màu tại hiện trường

^(d): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Viện Nhiệt Đới Môi Trường, Vimcerts 009)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- 2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- 3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0011-03.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ : Số 333 đường Hưng Định 24, Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau HTXL
Ngày lấy mẫu : 04/03/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT2/01/04.03.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A, K=1	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (*)	-	6,87	2 ÷ 12	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	16,5	1,0	30	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	40,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	26,0	4,0	50	TCVN 6625:2000
5	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,68	1,0	5	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nito ^(a)	mg/L	3,92	2,0	-	TCVN 6638:2000
7	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	0,41	0,03	-	SMEWW 4500-P.B&E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	0,33	0,03	6	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.000	2	3.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- 2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- 3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0011-03.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ : Số 333 đường Hưng Định 24, Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Loại mẫu : Mẫu trên suối Đền cách công ty 30m về phía hạ lưu
Ngày lấy mẫu : 04/03/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NM1/01/04.03.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	QCVN 08:2023/BTNMT			Phương pháp phân tích
					Bảng 1	Bảng 2		
						Mức B	Mức C	
1	pH ^(a) (*)	-	7,67	2 ÷ 12	-	6,0-8,5	6,0-8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	8,62	1,0	-	≤ 6	≤ 10	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	20,0	3,0	-	≤ 15	≤ 20	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	40,0	4,0	-	≤ 100	> 100 và không có rác nổi	TCVN 6625:2000
5	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	1,0	0,3	-	-	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nito ^(a)	mg/L	KPH	2,0	-	≤ 1,5	≤ 2,0	TCVN 6638:2000
7	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	0,47	0,03	-	≤ 0,3	≤ 0,5	SMEWW 4500- P.B&E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	0,38	0,03	-	-	-	SMEWW 4500- P.E:2017
9	Coliform ^(a)	MPN/100mL	4.400	2	-	≤ 5.000	≤ 7.500	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.